

VỐN XÃ HỘI VỚI SỰ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ NGHIỆP CỦA LAO ĐỘNG TRONG GIA ĐÌNH HIỆN NAY

✍ Th.S NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI*

Đặt vấn đề:

Cho đến nay, vốn xã hội vẫn đang được tiếp tục thảo luận, phát triển với nhiều định nghĩa, cách giải thích khác nhau và cả những phê phán đi cùng. Đánh giá tổng thể thì sự khác nhau đó tạo ra cả khó khăn và thuận lợi cho việc áp dụng khái niệm này vào các nghiên cứu. James Coleman (1988) nhà xã hội học người Mỹ, là người đã có công giới thiệu và làm rõ khái niệm này trong giới xã hội học Mỹ. Ông hiểu vốn xã hội bao gồm những đặc trưng trong đời sống xã hội như: các mạng lưới xã hội, các chuẩn mực, và sự tin cậy trong xã hội là những cái giúp cho các thành viên có thể hành động chung với nhau một cách có hiệu quả nhằm đạt tới những mục tiêu chung.

Xét về cấp độ của vốn xã hội, Coleman đã phân biệt vốn xã hội trong cộng đồng và trong gia đình. Theo Ông, vốn xã hội trong gia đình được biểu hiện dưới hình thức của sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau của các thành viên trong gia đình, và cũng tương tự như vậy tại cộng đồng là mối liên hệ, quan tâm, tin cậy, chia sẻ giữa những nhóm xã hội và các thiết chế xã hội¹. Vốn xã hội trong gia đình chỉ có thể có được và được tích lũy khi các thành viên trong gia đình thực sự chia sẻ và quan tâm tới nhau. Tương tự, việc các thành viên trong nhóm cũng như giữa các nhóm xã hội với nhau có được sự tin tưởng và chia sẻ thì vốn xã hội của cộng đồng mới có thể phong phú lên, và vì thế có một số hình thức đầu tư trong vốn xã hội như là sự tham gia, sự phối hợp của các nhóm là điều cần thiết để có thể tích lũy được lợi ích.

Vốn xã hội với sự chuyển đổi nghề nghiệp của lao động trong gia đình

Vốn xã hội tác động có ý nghĩa đến hoạt động sống của mỗi cá nhân đặc biệt tác động đến sự chuyển đổi nghề nghiệp, đến sự hợp tác công việc của mỗi cá nhân, ảnh hưởng đến cơ hội và sự thành công của con người; đồng thời cũng chỉ ra vai trò của gia

đình là hết sức quan trọng, gia đình là vốn xã hội quan trọng nhất trong việc định hướng nghề nghiệp cho mỗi cá nhân. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực thì cũng có những hạn chế của vốn xã hội đối với sự chuyển đổi nghề nghiệp của lao động trong gia đình. Đó là các mối quan hệ quen/thân có thể mang lại sự kiểm soát nhiều hơn đối với hành vi cá nhân, hạn chế tự do cá nhân và can thiệp sâu trong quá trình ra quyết định của cá nhân trong việc chuyển đổi nghề nghiệp.

Sự định hướng, tác động hay hỗ trợ của gia đình, dòng họ trong việc lựa chọn ngành nghề, chuyển đổi nghề nghiệp có thể cũng là nguyên nhân ngăn cản các sáng kiến cá nhân, tạo ra sự ỷ lại, thiếu năng động. Các quan hệ họ hàng tạo ra sự trợ giúp hiệu quả cho cá nhân trong những thời điểm khó khăn, đồng thời cũng có thể mang lại sự ràng buộc ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình làm việc. Những dữ liệu phân tích dưới đây được trích ra từ số liệu khảo sát của nghiên cứu *Sự chuyển đổi nghề nghiệp của lao động trong gia đình hiện nay* (2015). Nghiên cứu sẽ cho thấy vốn xã hội có ảnh hưởng như thế nào tới người lao động trong quá trình chuyển đổi nghề nghiệp của mình nhằm đảm bảo điều kiện sống và đáp ứng những nhu cầu của bản thân cũng như của gia đình:

Sự hỗ trợ của vợ/chồng trong công việc

Về sự hỗ trợ của các thành viên trong gia đình, đây là mối quan hệ gần gũi, dựa trên huyết thống, quan hệ hôn nhân... thể hiện khá rõ nét ở các gia đình nông thôn. Hầu hết các hoạt động hỗ trợ đều từ người thân.

"Tôi chính xác hơn 20 năm trong nghề thì chưa cần tới sự hỗ trợ của địa phương hay ngân hàng mà chủ yếu nhờ sự hỗ trợ của anh em bạn bè, đấy cũng là một cái thuận lợi" (PVS, nam, 57 tuổi, chủ cơ sở mộc).²

"... có người thân tư vấn hỗ trợ, giúp đỡ về vốn, lại có người nhà bên Hàn gửi hàng về nên cô chọn nghề này. Nếu có khó khăn thì mọi người trong gia

¹ Lê Đăng Doanh, "Một suy nghĩ về VXH ở Việt Nam", <http://www.tiasang.com.vn/new?id=659>.

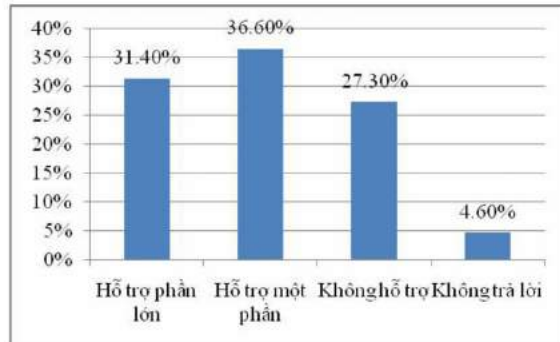
² Thông tin phỏng vấn sâu ngày 16/1/2016

* Trường Đại học Công Đoàn

đình lại tập trung giúp đỡ” (PVS, nữ, 60 tuổi, bán mỹ phẩm)³

Trong các hộ gia đình, hầu hết các thành viên đều hỗ trợ nhau trong các công việc. Có tới 31,4% được hỗ trợ phần lớn trong các công việc, 36,6% hỗ trợ một phần trong công việc; chỉ có 27,3% người trả lời không được hỗ trợ gì trong các công việc.

Biểu đồ 1: Sự hỗ trợ của vợ/ chồng trong gia đình



Nguồn: Khảo sát đề tài Sự chuyển đổi nghề nghiệp của lao động trong gia đình hiện nay (2015)

Phân tích tương quan giới về sự trợ giúp của người thân, gia đình nhìn chung cả nam giới và nữ giới đều nhận được sự trợ giúp của vợ/ chồng trong gia đình. Tuy nhiên, có sự khác biệt đáng kể giữa nam và nữ trong việc được vợ/ chồng của mình giúp đỡ, hỗ trợ trong công việc. Trong nhóm những người trả lời được hỗ trợ một phần, có 42,3% nam giới trả lời rằng được vợ hỗ trợ trong công việc và 57,7% nữ giới trả lời rằng được chồng hỗ trợ trong công việc. Trong nhóm những người trả lời không được hỗ trợ trong công việc, có tới 73,6% nữ giới trả lời rằng không được chồng mình hỗ trợ trong công việc, trong khi tỷ lệ chỉ có 26,4% nam giới cho rằng không được vợ mình hỗ trợ trong công việc.

Kết quả phân tích tương quan giữa giới tính và sự giúp đỡ của vợ/ chồng cho thấy $p=0,038<0,05$ có thể kết luận rằng mối quan hệ này có ý nghĩa thống kê. Với hệ số Cramer's $V = 0,209$, chứng tỏ mối quan hệ ở mức độ tương đối cao. Như vậy, có sự tương quan giữa trình độ giới tính và sự trợ giúp/ giúp đỡ của vợ/chồng trong công việc hiện nay.

“Làm thì cô vẫn làm, phụ chú những việc đơn giản như đánh vecni, sơn gỗ... còn chú thì vào vụ mùa cũng giúp cô. Giờ ở nông thôn, người ta không làm ruộng nhiều nhưng cũng không bỏ ruộng, chỉ làm và chăn nuôi để đủ ăn cho gia đình thôi. Ở nông thôn nhiều người không có nghề gì thì chăn nuôi này cũng giúp đảm bảo cho đời sống gia đình, con cháu (PVS, nữ, 50 tuổi, làm nông nghiệp)”⁴

Sự ảnh hưởng của những người xung quanh tới nghề nghiệp của lao động

Bảng 1: Mức độ ảnh hưởng của những người xung quanh đến công việc hiện tại

	Mức độ ảnh hưởng			
	Ảnh hưởng rất lớn		Ảnh hưởng bình thường	
	n	%	n	%
Bố mẹ	25	22,9	33	21,3
Dòng họ	6	5,5	18	11,6
Bạn bè	4	3,7	20	12,9
Thị trường	55	50,5	38	24,5
Chính quyền	5	4,6	36	23,2
Khác	14	12,8	10	6,5
Tổng	109	100	155	100

Nguồn: Khảo sát đề tài Sự chuyển đổi nghề nghiệp của lao động trong gia đình hiện nay (2015)

Các quan hệ xã hội ở nông thôn Việt Nam phần lớn dựa trên các quan hệ huyết thống, dòng họ, sự gần gũi về nơi sinh sống, bạn bè. Đây là một đặc điểm nổi bật của vốn xã hội ở nông thôn. Thực tế cho thấy cũng chính sự gắn bó về mặt tình cảm - là truyền thống văn hóa của người dân ở khu vực nông thôn giúp các cá nhân duy trì, phát triển các mối quan hệ xã hội và cũng từ các mối quan hệ có đi có lại, tin tưởng lẫn nhau mà họ có được những lợi ích về mặt kinh tế. Bên cạnh các mối quan hệ xã hội mang tính truyền thống ở nông thôn, các tổ chức, mạng lưới xã hội ở nông thôn cũng được các cá nhân phát huy, khai thác như một nguồn lực quan trọng. Khi được hỏi về người ảnh hưởng đến công việc hiện tại, có tới 22,9% người trả lời nói rằng bố mẹ có ảnh hưởng rất lớn đến công việc hiện tại của mình, trong khi đó bạn bè và chính quyền có mức ảnh hưởng rất ít chiếm tỷ lệ rất nhỏ chỉ có 3,7% và 4,6%.

“Chuyển sang nghề này lúc đầu chú cũng gặp nhiều khó khăn, vất vả khi phải lo có vốn, có mặt bằng sản xuất hàng nhưng mình làm dần rồi cũng quen và được mọi người tin tưởng, đặt hàng nên cứ làm tít tấc. Chú như ông bà nhà chú làm nông nghiệp khổ lắm, vất vả mà chẳng đủ ăn. Ông bà cũng muốn con cái thoát ly khỏi nông nghiệp nên lo cho chú đi học nghề mộc này về để làm (PVS, nam, 48 tuổi, thợ mộc)”⁵

Khi phân tích mối tương quan giới và lý do thuận lợi/ khó khăn khi làm công việc hiện tại, tỷ lệ nữ giới được gia đình giúp đỡ nhiều hơn so với nam giới (66,7% so với 33,3%), tỷ lệ này tương tự ở sự giúp

³ Thông tin phỏng vấn sâu ngày 16/1/2016

⁴ Thông tin phỏng vấn sâu ngày 17/1/2016

⁵ Thông tin phỏng vấn sâu ngày 16/1/2016

Bảng 2: Tương quan giới và lý do thuận lợi/ khó khăn khi làm nghề nghiệp hiện tại

	Thuận lợi			Khó khăn		
	Nam	Nữ	Tổng	Nam	Nữ	Tổng
Gia đình giúp đỡ	33,3	66,7	100	0	0	100
Dòng họ giúp đỡ	100	0	100	0	0	100
Cộng đồng giúp đỡ	33,3	66,7	100	44,4	55,6	100
Chính quyền địa phương	25	75	100	58,1	41,9	100
Năng lực của bản thân	30	70	100	30,8	69,2	100
Kinh nghiệm	30	70	100	36,8	63,2	100

Nguồn: Khảo sát đề tài Sự chuyển đổi nghề nghiệp của lao động trong gia đình hiện nay (2015)

đỡ của cộng đồng. Ngược lại, trong khi 100% lao động nam cho rằng một trong những lý do thuận lợi khi làm nghề này là do sự giúp đỡ của dòng họ, thì không có lao động nữ nào nhận được sự giúp đỡ này. Sự hỗ trợ từ phía người thân, họ hàng mặc dù có sự khác biệt ở những mức độ khác nhau nhưng lại rất quan trọng khi góp phần giải quyết những khó khăn trong cuộc sống, phát triển nghề nghiệp. Hàng xóm, bạn bè là những mối quan hệ liên cá nhân ngoài dòng họ, gia đình. Tuy nhiên, mạng lưới xã hội này có vai trò đặc biệt quan trọng đối với mỗi cá nhân ở khu vực nông thôn.

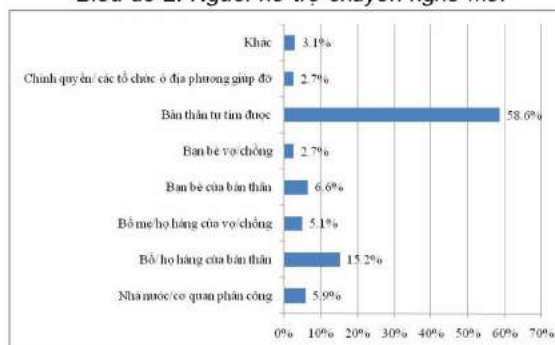
“Có chứ, không có nghề nào không gặp khó khăn, rất nhiều khó khăn và hiện giờ cũng có những khó khăn. Khó khăn đầu tiên là khi chuyển đổi từ làm nông nghiệp sang làm nghề theo cơ chế thị trường thì trong giao tiếp phải tạo niềm tin cho khách hàng với mình, rồi khó khăn về vốn, bắt phá từ nông nghiệp là khó, không có, phải vay mượn (PVS, nam, 57 tuổi, chủ cơ sở mộc)”⁶

Sự năng động của các hộ gia đình và người lao động là nhân tố rất quan trọng chi phối sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của người lao động nông thôn. Nhân tố này chi phối cách thức lựa chọn nghề nghiệp, làm ăn và hiệu quả của việc thực hiện công việc đó. Điều này lí giải vì sao mà cùng sống trong một môi trường, điều kiện giống nhau mà mỗi hộ gia đình hay mỗi người lao động lại có sự lựa chọn khác nhau.

Nguồn lực hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp của lao động

Qua trả lời từ những người được phỏng vấn thì có tới 68,8% người lao động chuyển nghề mới là do nghề mới phù hợp với điều kiện bản thân. Sự thay đổi nghề nghiệp của người lao động hay các hộ gia đình có những nguồn gốc, nguyên nhân khác nhau. Có tới 58,6% nghề nghiệp tìm được là do người lao động tự

Biểu đồ 2: Người hỗ trợ chuyển nghề mới



Nguồn: Khảo sát đề tài Sự chuyển đổi nghề nghiệp của lao động trong gia đình hiện nay (2015)

tìm, chỉ có 2,7% là do chính quyền, các tổ chức địa phương giúp đỡ. Như vậy, ta có thể thấy rằng sự năng động của các hộ gia đình hay người lao động đã tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ trong cơ cấu lao động nghề nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một số hộ chậm thích ứng với tình hình mới, việc chuyển đổi nghề nghiệp còn phụ thuộc vào những người khác. Vốn xã hội của người lao động được phát triển thông qua việc đầu tư vào các quan hệ xã hội hoặc tham gia các mạng lưới xã hội. Coleman khẳng định vốn xã hội là sản phẩm phát sinh của các hoạt động khác, thông qua mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau. Thông qua các mạng lưới xã hội mà người lao động tham gia với tư cách là một thành viên, các thông tin chia sẻ về công việc, việc làm được phát đi từ góc độ tổ chức cũng như giữa các cá nhân trong mạng lưới xã hội. Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi cho thấy, sự hỗ trợ, giúp đỡ trong việc cung cấp thông tin, giới thiệu việc làm cho người lao động nhận được nhiều nhất từ bố mẹ họ hàng của bản thân với 15,2%, tiếp đến là bạn bè của bản thân (6,6%), bố mẹ, họ hàng của vợ/chồng (5,1%), chỉ có 2,7% nhận được từ chính quyền, các tổ chức cộng đồng.

Các nguồn vốn hỗ trợ

Trước sự phát triển của kinh tế thị trường cùng với những chủ trương, chính sách của Nhà nước, các gia đình đã chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm. Có tới 48,3% hộ gia đình dám vay vốn ngân hàng để chuyển đổi, phát triển nghề nghiệp, ngoài ra họ còn chủ động tạo nguồn vốn bằng cách vay của gia đình, dòng họ (27,5%), vay của cộng đồng, bạn bè (8,3%), vay của tín dụng, ngoài nhà nước (11,7%)... Bên cạnh đó, người lao động đã huy động vốn xã hội thông qua các mối quan hệ thân quen, có dĩ có lại, sự tin cậy cao trong việc phát triển nghề

⁶ Thông tin phỏng vấn sâu ngày 17/1/2016

ng nghiệp. Từ cơ sở ban đầu, người lao động tiếp tục huy động nguồn vốn xã hội thông qua các mối quan hệ anh em, họ hàng để vay mượn tiền vốn. Qua khảo sát cho thấy có tới 27,5% người lao động vay mượn tiền từ dòng họ, tiếp đến là của tín dụng, vay ngoài, vay nóng với 11,7%, sau đó là của cộng đồng, bạn bè với 8,3%. Qua đó cho thấy người lao động đã sử dụng vốn xã hội của mình ở cả 3 khía cạnh: sự tin cậy, có đi có lại để tạo dựng niềm tin, cùng có lợi và mạng lưới xã hội (người thân, bạn bè, các tổ chức).

Bây giờ làm nghề này cần có vốn và có niềm tin, tín với khách hàng, có đối ngoại, có người quảng bá cho mình thì mới phát triển nghề được (PVS, nam, 56 tuổi, làm mộc).⁷

... nếu có sổ đỏ hay giấy phép kinh doanh thì vay theo sổ, vay ngân hàng nhưng ở đây chủ yếu là đất 64, đất ruộng, không có sổ đỏ nên nếu muốn làm ăn lớn thì chỉ có vay ngoài thôi (PVS, nữ, 38 tuổi, chủ hàng ăn).⁸

Bảng 3: Mối tương quan giữa trình độ học vấn và người hỗ trợ chuyển đổi nghề

	Nhà nước/ cơ quan phân công		Bố mẹ/ họ hàng của bản thân		Bố mẹ/ họ hàng của vợ/ chồng		Bạn bè của bản thân		Bạn bè của vợ/ chồng		Bản thân tự tìm được		Chính quyền/ tổ chức địa phương	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Không biết chữ	1	6,7	2	5,1	0	0	0	0	0	0	6	4	0	0
Tiểu học	1	6,7	7	17,9	4	30,8	1	5,9	1	14,3	17	11,3	1	14,3
THCS	7	46,7	13	33,3	4	30,8	9	52,9	5	71,4	57	38	3	42,9
THPT	2	13,3	7	17,9	3	23,1	4	23,5	1	14,3	46	30,7	2	28,6
TCCN	1	6,7	2	5,1	1	7,7	0	0	0	0	12	8	1	14,3
CB, DH	3	20	8	20,5	1	7,7	3	17,6	0	0	12	8	0	0

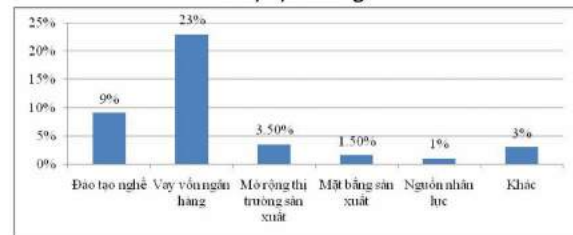
Nguồn: Khảo sát đề tài Sự chuyển đổi nghề nghiệp của lao động trong gia đình hiện nay (2015)

Qua khảo sát cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa vốn xã hội và trình độ chuyên môn của người lao động đang tìm việc làm. Đó là trình độ chuyên môn kỹ thuật càng cao thì tỷ lệ người sử dụng vốn xã hội càng giảm, cụ thể không có lao động nào có trình độ đại học, cao đẳng cần đến sự hỗ trợ chuyển đổi nghề từ chính quyền địa phương. Trong khi tỷ lệ này ở nhóm tiểu học là 14,3%, nhóm trung học cơ sở là 42,9%, trung học phổ thông là 28,6%. Vốn xã hội mà cụ thể ở đây là mạng lưới xã hội của các cá nhân không chỉ có chức năng kinh tế mà còn có chức năng xã hội là tạo ra mạng lưới an sinh xã hội cho các cá nhân và tạo ra vùng đệm an toàn rất quan trọng và cần thiết cho người lao động khi thực hiện chuyển đổi nghề nghiệp của mình.

Sự hỗ trợ của các tổ chức ở địa phương

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, trong những người tham gia khảo sát thì tỷ lệ người lao động tham gia hội phụ nữ và hội nông dân chiếm tỷ lệ cao nhất lần lượt là 33% và 42%.

Biểu đồ 3: Các hình thức hỗ trợ của tổ chức ở địa phương



Nguồn: Khảo sát đề tài Sự chuyển đổi nghề nghiệp của lao động trong gia đình hiện nay (2015)

Đối với các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội ở địa phương, có 31% người trả lời cho rằng họ nhận được sự hỗ trợ chuyển đổi nghề mới từ phía chính quyền địa phương. Hai tổ chức có ảnh hưởng khá lớn và có số hội viên tham gia nhiều nhất là Hội phụ nữ (42%) và Hội nông dân (33%). Sự hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đối với các tổ chức chính trị - xã hội nhìn chung tập trung vào việc cho vay vốn, ngoài ra còn bổ sung thêm các hoạt động đào tạo nghề (9%), mở rộng thị trường (3,5%), mặt bằng sản xuất (1,5%) và nguồn nhân lực (1%) chiếm tỉ lệ rất ít.

Đối với sự tương quan giới về sự trợ giúp của các tổ chức chính trị - xã hội, cả nam và nữ đều nhận được sự trợ giúp của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là chính quyền địa phương. Các số liệu khảo sát chỉ ra rằng, tỷ lệ lao động nữ tham gia các tổ chức đoàn thể nhiều hơn nam giới. Đồng thời tỷ lệ nữ giới nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức đoàn thể cũng lớn hơn nam giới với tỷ lệ 61,9% so với 37,1%.

Kết luận:

Qua những phân tích trên, chúng ta đã bàn về vốn xã hội của người lao động khi chuyển đổi nghề nghiệp trong gia đình hiện nay trên một số bình diện khác nhau. Nhìn một cách khái quát, mấy điểm sau đây là những điểm nổi bật:

- Vốn xã hội của người lao động là vốn xã hội của cá nhân, do vậy chỉ có thể ảnh hưởng gián tiếp đến sự chuyển đổi cấu trúc nghề nghiệp của lao động trong gia đình. Vốn xã hội ảnh hưởng trực tiếp đến việc người lao động định hướng nghề nghiệp, tìm

(Xem tiếp trang 45)

⁷ Thông tin phỏng vấn sâu ngày 17/1/2016

⁸ Thông tin phỏng vấn sâu ngày 17/1/2016

1 năm. Tính đến nay trên toàn quốc có 36 cơ sở đào tạo luật mới chỉ có 8 cơ sở đào tạo Luật nhận được khoản tài trợ này. Có thể nói, việc nhận được khoản tài trợ này là một thành công rất lớn của Khoa Luật trường Đại học Công đoàn, thể hiện hiệu quả của việc phát triển quan hệ hợp tác quốc tế và khoản tài trợ là cơ sở để phát triển văn phòng thực hành luật và đẩy mạnh các hoạt động thực hành luật cho sinh viên. Mặc dù dự án đã kết thúc từ tháng 10 năm 2013 nhưng kết quả của dự án đã giúp cho Khoa Luật xây dựng môn học Giáo dục thực hành Luật (CLE). Môn học này là một trong những điểm nhấn để Khoa Luật được nằm trong mạng lưới các cơ sở đào tạo luật Việt Nam. Khoa Luật trường Đại học Công đoàn dù mới thành lập nhưng là cơ sở đào tạo Luật đầu tiên trên cả nước đưa môn học Giáo dục thực hành Luật vào giảng dạy cho sinh viên từ khóa LW1 đến nay. Hiện nay rất nhiều các cơ sở đào tạo Luật khác trên cả nước đang học tập kinh nghiệm của Khoa Luật, trường Đại học Công đoàn để đưa môn học CLE vào giảng dạy tại cơ sở của mình.

Để duy trì những thành tích đã đạt được và tiếp tục phát triển, Khoa Luật cần triển khai các giải pháp cụ thể để khuyến khích hơn nữa việc đổi mới phương pháp giảng dạy, NCKH trong cán bộ giảng viên và sinh viên, tạo ra những chuyển biến mang tính đột phá trong hoạt động của toàn Khoa.

Tăng cường phát triển các hướng NCKH trong và ngoài trường, chú trọng đến các định hướng nghiên cứu mang tính liên ngành thể hiện thông qua các đề tài mang tính chất liên ngành, đa ngành, đề tài về các lĩnh vực quản lý hoạt động đào tạo và NCKH nhằm tạo ra những sản phẩm NCKH thiết thực phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và sự nghiệp đổi mới phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tăng cường sự kết hợp sâu sắc hơn nữa giữa đào tạo với NCKH, đẩy mạnh việc triển khai áp dụng các kết quả NCKH liên quan đến xây dựng và hoàn thiện bộ đề cương theo tín chỉ tất cả các học phần Luật.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập cho giảng viên và sinh viên theo phương pháp tương tác CLE;

- Nâng cao kỹ năng, trình độ ngoại ngữ cho giảng viên, sinh viên;

- Khuyến khích giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực tự học tập, tự nghiên cứu.

- Đẩy mạnh hoạt động đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao kiến thức pháp luật và kỹ năng, phương pháp tuyên truyền, tư vấn pháp luật cho cán bộ Công đoàn trên toàn quốc nhằm nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của hệ thống Công đoàn.

- Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế trong đào tạo và NCKH, củng cố và tăng cường hơn nữa hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác với các đối tác đang triển khai, tìm kiếm và phát triển các mối quan hệ với các đối tác mới để nâng cao vị thế của Khoa trong hệ thống các trường, khoa luật trong khu vực và trên thế giới. □

VỐN XÃ HỘI VỚI SỰ CHUYỂN ĐỔI...

(Tiếp theo trang 39)

kiếm việc làm, ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp, thực hiện nghề nghiệp và chuyển đổi nghề nghiệp của họ.

- Các hành động chuyển đổi nghề nghiệp của các nhân trong gia đình là một quá trình và là kết quả tổng tích hợp của sự chuyển đổi nghề nghiệp ở cộng đồng nông thôn cụ thể.

- Trong bối cảnh chuyển đổi nghề nghiệp hiện nay ở nông thôn, vốn xã hội của người lao động có thể được xem như một tài sản, một loại nguồn lực mà người lao động sử dụng, vận dụng vào tìm kiếm công việc hoặc thay đổi công việc trong thị trường lao động.

Chính vì vậy, để phát huy vốn xã hội trong chuyển đổi nghề nghiệp của người lao động trong gia đình hiện nay cần phải chú ý trên cả ba cấp độ: cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng, nhất là phương diện chuyển đổi ngành nghề, đa dạng hóa thu nhập, nâng cao mức sống cho người dân. Để thực hiện được điều đó cần đảm bảo và nâng cao các yếu tố về kỹ năng, tay nghề, trình độ chuyên môn, sự hỗ trợ của gia đình, bạn bè, cộng đồng, chính quyền cũng như xây dựng các giá trị ứng xử, niềm tin, sự tin tưởng... nhằm phát huy vốn xã hội của cá nhân có hiệu quả cao nhất. □

Tài liệu tham khảo

1. Lê Đăng Doanh. Một suy nghĩ về vốn xã hội ở Việt Nam. <http://www.tiasang.com.vn/new?id=659>.
2. Hoàng Bá Thịnh (2009), Vốn xã hội, mạng lưới xã hội và những phí tổn, Tạp chí Xã hội học, Số 1.
3. Nguyễn Tuấn Anh, Vốn xã hội và sự cần thiết nghiên cứu vốn xã hội ở nông thôn Việt Nam hiện nay
4. Lê Ngọc Hùng. (2008). Vốn xã hội, vốn con người và mạng lưới xã hội qua một số nghiên cứu ở Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Con người.
5. Nguyễn Ngọc Bích. (2006). Vốn Xã hội và phát triển. Tia sáng, <http://www.tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=87&News=1774&CategoryId=16>. Nguyễn Quang A. (2006). Vốn và vốn xã hội. Tia sáng, <http://www.tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=87&News=1776&CategoryId=16>
6. Lê Ngọc Văn (2011), Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.